

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DSST
Ngày: 20/8/2025
V/v: T/C HĐCN quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Văn Dậu.

Ông Tạ Xuân Xế.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST- DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1963 (đã chết tháng 12/2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

- Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ô, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình C1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1952 (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975 (vắng mặt)
3. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1978 (vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1980 (vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

6. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, khu phố C, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

7. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1962 (vắng mặt)
8. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1963 (vắng mặt)
9. Ông Nguyễn Đình H8, sinh năm 1965 (vắng mặt)
10. Bà Nguyễn Thị H9, sinh năm 1969 (vắng mặt)
11. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971 (vắng mặt)
12. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

13. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973 (vắng mặt)
14. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

15. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1998 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện sinh sống tại Nhật Bản

16. Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1961 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/12/2018, giữa ông C, bà B với ông C1, bà O có lập 01 giấy chuyển nhượng đất sử dụng. Theo nội dung trong giấy chuyển nhượng đất thì ông C, bà B có nhận chuyển nhượng của ông C1, bà O 380,8m² đất tại khu G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, với giá chuyển nhượng là 100.000.000đ. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng, ông C, bà B đã giao đủ số tiền 100.000.000đ cho ông C1, bà O. Ông C1, bà O đã nhận đủ số tiền này. Giấy chuyển nhượng chỉ viết tay, không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Ông C1, bà O đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này cho ông C, bà B nhưng sau đó ông C1, bà O lại nói với ông C, bà B là cần giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất có việc. Do tin tưởng nên ông C, bà B đã đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C1, bà O. Sau đó, ông C gọi điện yêu cầu ông C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C1, bà O không trả.

Nay ông C, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Giấy chuyển nhượng đất sử dụng lập ngày 16/12/2018 âm lịch vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là ông C1, bà O trả lại ông C, bà B 100.000.000đ. Vì sau khi ký giấy chuyển nhượng ông C, bà B đã yêu cầu ông C1, bà O làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà B tuy nhiên ông C1, bà O không làm thủ tục cho ông C, bà B nên ông C, bà B không sang tên được.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông C1, bà O, ông C, bà B không biết diện tích đất nhận chuyển nhượng là đất cấp cho ai. Do tin tưởng nên ông C, bà B cũng không hỏi ông C1, bà O là diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ai. Vì vậy, ông C, bà B đã ký hợp đồng chuyển nhượng với ông C1, bà O. Ngoài ra, bà không có đề nghị gì khác.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O Tòa án đã tiến hành lấy lời khai nhiều lần xong ông C1, bà O không trình bày nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông S1. Ông S1 là con của cụ T2 và cụ N1. Chồng bà đã chết năm 2000. Vợ chồng bà có hai con chung là chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đình N. Hiện nay anh N đang làm việc tại Nhật Bản. Đối với diện tích đất 380,8m² tại khu G, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh theo bà được biết được giao cho bố mẹ chồng bà, chồng bà và ông C1. Hiện tại phần đất này cũng được giao cho ông C1 nên bà không để ý. Việc ông C1, bà O chuyển nhượng phần đất này cho ai bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Chị Nguyễn Thị Phương trình B1: Chị là con gái của ông S1, bà T1. Đối với việc tranh chấp đất đai của gia đình ông C1 chị không nắm được. Chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Ông Nguyễn Đình H8 trình bày: Phần diện tích đất 380,8m² tại khu Giao Hành bố mẹ ông đã cho ông C1 nên ông không liên quan đến thửa đất này. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Bà Nguyễn Thị H6 trình bày: Đối với diện tích đất nông nghiệp tại khu G bố mẹ bà đã cho ông C1. Bà không liên quan đến thửa đất và không có ý kiến gì về

việc ông C1 chuyển nhượng thửa đất. Bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Bà là con gái đã đi lấy chồng. Phần đất khu Giao Hành bố mẹ bà đã cho các em như thế nào bà không biết và không liên quan. Bà từ chối tham gia tố tụng và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Ông Nguyễn Văn H7 trình bày: Khu đất Giao Hành đã được bố mẹ ông cho em trai ông là ông C1. Việc cho ông C1 thửa đất này bằng miệng. Ông không liên quan gì đến thửa đất và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Ông xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Chị Nguyễn Thị H5 trình bày: Việc ông C1, bà O chuyển nhượng đất chị không biết. Chị không liên quan đến đất đai nhà ông C1. Chị đề nghị không đưa chị vào tham gia tố tụng. Nếu phải tham gia chị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

+ Ông Nguyễn Đình S trình bày: Ông là con của cụ T2 và cụ N1. Bố mẹ ông sinh được 10 người con. Đối với thửa đất số 20, diện tích 380,8m² tại khu G thuộc thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh cụ thể định suất cấp cho ai ông không biết. Hiện nay, thửa đất này ông C1, bà O chuyển nhượng cho ông C, bà B ông không có ý kiến gì vì bố mẹ ông cho ai thì người đó được hưởng. Việc nguyên đơn khởi kiện ông C1, bà O ông không liên quan gì. Ông chỉ biết diện tích đất ruộng đó ông C1, bà O sử dụng như thế nào là quyền của ông C1, bà O ông không có ý kiến gì. Hiện nay, ông đang chấp hành án tại trại giam N2. Vì vậy, ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H9: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai xong bà H9, bà L1 không trình bày gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị H4, anh Nguyễn Trọng T: Tòa án đã đến nhà nhiều lần để lấy lời khai xong không gặp nên không tiến hành lấy lời khai được.

Anh Nguyễn Đình N hiện đang ở nước ngoài. Bà T1 là mẹ anh cũng đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo lại cho anh. Anh N biết việc ông C, bà B khởi kiện ông C1, bà O xong không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/02/2025 của Hội đồng định giá xác định: Thửa đất số 94, tờ bản đồ 20, diện tích 380,8m² có giá 70.000đ/m².

Tại phiên toà: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Tuyên giấy chuyển nhượng đất lập ngày 18/12/2018 âm lịch vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc ông C1, bà O trả lại bà B, anh H, anh K số tiền 100.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 26; 35; 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 122; 123; 129 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị B, tuyên bố giấy chuyển nhượng đất giữa ông C, bà B với ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O vô hiệu; ông C1, bà O phải trả bà B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn K số tiền 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị B Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến C chết. Tòa án đã đưa bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn K tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Theo xác minh của Tòa án thửa đất mà ông C1, bà O chuyển nhượng cho ông C, bà B được cấp cho bố mẹ ông C1 là cụ T2, cụ N1, ông S, ông C1. Do cụ T2, cụ N1, ông S đã chết trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án nên Tòa án đưa những người ở hàng thừa kế thứ nhất của những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không có mặt và không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2024, nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến C và bà Nguyễn Thị B khởi kiện đề nghị Tòa án: Yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/12/2018 (âm lịch) là có căn cứ buộc ông Nguyễn Đình C1 và bà Nguyễn Thị O làm các thủ tục sang tên một thửa ruộng phần trăm khu rau hành có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/12/2024, ông C, bà B có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên giấy chuyển nhượng đất sử dụng lập ngày 16/12/2018 (âm lịch) giữa ông Nguyễn Tiến C với ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O là vô hiệu. Buộc ông C1, bà O phải trả cho ông C, bà B số tiền 100.000.000đ là tiền mà ông C đã đưa khi mua đất của ông C1, bà O. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông C, bà B phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy chuyển nhượng đất sử dụng được lập ngày 16/12/2018 âm lịch giữa ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O với ông Nguyễn Tiến C thì ông C1, bà O chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến C, bà Nguyễn Thị B ở N, L, Y thửa ruộng phần trăm với diện tích 380,8m² tại khu G với số tiền 100.000.000đ. Ông C1, bà O hẹn đến ngày 16/3 âm lịch sẽ chuộc lại diện tích đất này nếu không chuộc được thì ông C, bà B được quyền sử dụng mảnh ruộng này.

Xét giấy chuyển nhượng đất sử dụng được lập ngày 16/12/2018 âm lịch giữa ông C với ông C1, bà O Hội đồng xét xử thấy: Theo xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã T) thì thửa đất số 94, tờ bản đồ 20, diện tích 380,8m² khu G thuộc thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh) được giao cho gia đình ông C1 vào năm 1988. Tại thời điểm giao đất diện tích đất này hộ gia đình ông C1 gồm bố mẹ ông C1 là cụ Nguyễn Đình T2, cụ Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Đình S1 và ông Nguyễn Đình C1 mỗi định suất được 96m². Sau đó, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình C1 vào năm 2010. Như vậy, khi ông C1, bà O viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông C, bà B thì không có văn bản nào của những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2, cụ N1 và ông S1 về việc tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông C1, bà O. Do đó, ông C1, bà O không có quyền bán diện tích đất này. Việc ông C1, bà O bán phần

diện tích đất không thuộc quyền sử dụng của mình là vi phạm điều cấm của pháp luật. Không những thế, giấy chuyển nhượng đất sử dụng được ký giữa ông C1, bà O với ông C không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật do vậy giấy chuyển nhượng này vi phạm về hình thức.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn nhưng bị đơn không trình bày gì nên không có căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn là bị đơn đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo giấy chuyển nhượng đất sử dụng được lập giữa nguyên đơn và bị đơn và theo trình bày của nguyên đơn thì nguyên đơn đã giao cho bị đơn là ông C1, bà O 100.000.000đ. Đến nay, nguyên đơn đề nghị tuyên giấy chuyển nhượng đất sử dụng vô hiệu và yêu cầu ông C1, bà O phải trả lại cho: bà B; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn K số tiền 100.000.000đ. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc ông C1, bà O phải trả cho bà B, anh H, anh K số tiền 100.000.000đ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 119, 122, 123, 129, 131, 132, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tiến C.

Tuyên bố “Giấy chuyển nhượng đất sử dụng” ngày 16/12/2018 âm lịch giữa ông Nguyễn Tiến C với ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ 20, diện tích 380,8m² khu G thuộc thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vô hiệu.

Về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Buộc ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O phải trả lại bà Nguyễn Thị B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, án phí:

Ông Nguyễn Đình C1 và bà Nguyễn Thị O phải chịu 5.300.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Ông C1, bà O phải trả lại cho bà B, anh K, anh H số tiền 5.300.000đ

Ông Nguyễn Đình C1, bà Nguyễn Thị O phải chịu 5.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ